

## TRÍ THỨC KINH KÌ – NGƯỜI TRẦN THUẬT TRONG *VŨ TRUNG TÙY BÚT* VÀ *TANG THƯƠNG NGẪU LỤC*

ĐINH PHAN CẨM VÂN\*

### TÓM TẮT

*Người trần thuật - một vấn đề trung tâm của lý thuyết tự sự hiện đại. Tìm hiểu hình tượng này sẽ có cơ sở hiểu đúng và sâu hơn về tư tưởng tác giả, tác phẩm. Bài viết không đi vào tìm hiểu ngôi kể hay nghệ thuật kể mà là tìm hiểu người trần thuật – hình thái của hình tượng tác giả đã chi phối như thế nào đến thế giới nghệ thuật của tác phẩm, đã làm nên diện mạo riêng cho tác phẩm ra sao.*

**Từ khóa:** trí thức, kinh kì, người trần thuật, Vũ trung tùy bút, Tang thương ngẫu lục.

### ABSTRACT

#### *Intelligentsia in the capital city – narrators in Vũ trung tùy bút and Tang thương ngẫu lục*

*Narrator is the main concern of modern narrative theory. Studying this image will provide a sound foundation to understand deeply the writers' thoughts. This article doesn't focus on either the status or the narrative art but on how narrators – the image representing the author - affect the artistic world of the work and bring out a particular look.*

**Keywords:** intelligentsia, capital city, narrator, Vũ trung tùy bút, Tang thương ngẫu lục.

Phạm Đình Hồ (1768 - 1839), tác giả của hai tác phẩm kí rất có giá trị: *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* (viết chung với Nguyễn Án). Ông người Hải Dương nhưng có nhà riêng ở thành Thăng Long. Cha ông từng làm Hiến sát Nam Định, tuần phủ Sơn Tây nên ngay từ thuở nhỏ ông đã nhập học Quốc tử giám. Năm 1821, vua Minh Mệnh tuần du phương Bắc, Phạm Đình Hồ dâng sách do mình viết, được vua rất khen ngợi. Vua Minh Mệnh từng hai lần mời ông giữ chức Hành tẩu Viện Hàn lâm, rồi Thừa chỉ Viện Hàn lâm; cả hai lần ông đều làm một thời gian ngắn rồi cáo bệnh

xin lui. Cuộc sống của Phạm Đình Hồ có nhiều gắn bó với kinh kì. Dấu ấn ấy khá đậm nét trong hai thiên kí của ông.

Nếu trong *Thượng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác), bằng cái nhìn của một danh y trẩy kinh là một Thăng Long với những cung điện kiêu sa cùng đám quần thần văn dốt, võ dốt, bệnh hoạn nhưng lúc nào cũng tỏ ra thơ phú, thanh nhã; trong *Hoàng Lê nhất thống chí* (Ngô gia văn phái), từ góc nhìn của những nhà chép sử biên niên, là một Thăng Long khói lửa loạn lạc nhưng cũng rất hào hùng và hào hoa bởi chiến thắng vang dội của Quang Trung Nguyễn Huệ và sắc thắm cảnh đào mùa xuân..., thì trong *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục*, điểm nhìn của một trí thức phong kiến đã chi phối đến

\* TS, Trường Đại học Sư phạm TP HCM

bức tranh hiện thực mà tác giả khảo cứu, miêu tả - Thăng Long chủ yếu được quan sát từ góc độ văn hiến, văn hóa gắn với những con người cụ thể, những sự việc có thực. Thế nhưng, nơi “lắng hồn núi sông ngàn năm” trong giai đoạn bão táp lịch sử đã không tránh khỏi “tang thương”. Cảm hứng của Phạm Đình Hồ cũng không chỉ dừng ở đất kinh mà mở rộng tới những miền nước tú non kì khác. Ông còn quan tâm đến nhiều phương diện của đời sống văn hóa trí thức, làm nổi bật lên chân dung kẻ sĩ thời phong kiến.

Với người trí thức phong kiến, vấn đề quan tâm hàng đầu là khoa cử. Các thiên *Khoa cử, Cuộc bình văn trong nhà Giám, Phép thi nghiêm mật, Việc thi cử...* ghi dấu những quan sát, ghi chép rất sắc sảo của Phạm Đình Hồ về nhiều phương diện của khoa cử Việt Nam.

Người đọc có thể theo dõi lịch sử khoa cử Việt Nam từ lần đầu tiên khai khoa dưới triều Lý, trải qua các triều đại với những mặt sáng, tối, bi, hài trong lựa chọn nhân tài. Thể chế đặt ra rất nghiêm. Việc lựa chọn người tài luôn được chú ý cả hai phương diện đức và văn. Học trò rất được ưu đãi. Vinh quy bá tử thì cả làng, cả tổng phải đến phục dịch. Thấp thoáng trong những cuộc thi là hình ảnh của vua, chúa càng làm tôn lên tính chất nghiêm túc, quang minh chính đại.

Thế nhưng hậu trường của khoa cử thì rất nhiều chuyện nhiễu nhương. Nhiều quan co, mờ ám của khoa cử đã bị con mắt của tác giả - người trong cuộc phơi bày. Vì yêu người này, ghét kẻ kia mà

trong một cuộc thi các quan chủ khảo ráo riết tìm bài để nâng, hạ, khen, chê tùy ý. “Quyển này hẳn là khẩu khí Ngô Thi Sĩ. Thế là họ hết sức bới móc đánh hỏng đi”. “Quyển của Vĩ Khiêm đây rồi. Bèn cùng nhau chỉ trích đánh hỏng”... Song, mọi suy luận, đoán già, đoán non đều sai lầm nên người bị ghét vẫn ung dung chiếm bảng vàng còn kẻ chủ trương nâng đỡ đã mở tiệc ăn mừng thì tên không dính bảng. Trong trường thi con ném bài cho cha, sĩ tử lén xé sách, chép. Việc học hành của sĩ tử có khi chỉ là nhặt lấy vài câu hoa hòe, hoa soi hoặc thuộc lòng vài đoạn trong kinh, truyện. Vậy nên, không thể bàn thâu lễ kinh bang tế thế. Quan ra đề, có người nhắc khéo đề thi cho trò; có người không muốn cho ai hơn hàng tam giáp của mình nên ra đề rất hiểm hóc để chỉ lấy đỗ đến tam giáp. Tệ nạn ông Nghè đeo nợ, bà Nghè mua chồng nhiều “không kể xiết”. Lại có những chuyện đỗ đạt rất khó hiểu, ngay cả người trong cuộc cũng ngỡ ngàng. Đành giải thích bằng những lí do khôi hài: “...vì nhà ba đời không nuôi mèo nên được cái báo ơn ấy”.

Song, điểm nhìn của tác giả không chỉ dừng lại ở một vài tình tiết, sự kiện mà còn hướng tới phác họa những chân dung. Mỗi nhân vật được nhắc tới trong các bài kí của Phạm Đình Hồ có thể chỉ là một nét nhưng thần thái lại rõ ràng như chạm, khắc. Chỉ qua giọng điệu, ngữ khí của kẻ sĩ lúc bình văn đã nói lên vị thế của họ trong làng nho: “...tiếng Hoàng Vĩnh Trân rất trong, rất vang, tiếng Nguyễn Cầu bình dị... Duy quan tri giám Nguyễn Hoãn thì thủy chung nín lặng...”

thỉnh thoảng chỉ sẽ cười hi hi mà thôi”. Người tham gia bình văn mà lại không dám nói, bởi “...học vấn không được học trò phục...” Hoặc như chân dung Võ Miên, chỉ thoáng qua vài nét nhưng thấy được cả một đời, một văn nghiệp. “Khi nhỏ học tối tăm, suốt ngày nhai nhai chỉ được một trang giấy, mà vẫn cố sức học mãi không thôi, về sau cũng nổi tiếng văn học trong thời ấy. Nhưng văn chương ông nghèo nàn, viết suốt ngày cũng thường không đủ”. Chân dung của kẻ đồ hội nguyên – Ninh Tôn cũng vô cùng mỉa mai. Tác giả chỉ lấy ra một sự kiện, ấy là khi thi văn bài của Ninh Tôn phần trên viết rất đại gia nhưng phần dưới lại như không tường nghĩa sách. Nguyên do chỉ vì anh ta xé hai trang để chép nhưng “hụt mất đoạn dưới”! Ninh Tôn trở thành “Tiến sĩ nửa câu cây bẻ gãy trời” là vì thế.

Chỉ là vài thiên ghi chép nhưng có thể nói về độ nhạy bén, sắc sảo, Phạm Đình Hồ không thua kém gì Bồ Tùng Linh khi mô tả bức tranh khoa cử, sĩ tử thời phong kiến. Bồ Tùng Linh có những trải nghiệm của người một đời lận đận chốn trường thi. Phạm Đình Hồ vừa có cái am hiểu của người trong cuộc vừa có cái kinh lịch của người từ nhỏ đã được tham dự vào những cuộc bình văn ở Quốc tử giám, rồi sau này giữ những trọng trách trong Viện Hàn lâm. Những khảo cứu của ông kết hợp sách vở các đời với tư liệu mắt thấy, tai nghe nên cái nhìn không hề nông cạn, hời hợt. Thế mạnh của thể kí là độ nén tư liệu. Các sự việc cứ dần hàng xuất hiện, không cần nghị luận, bình phẩm dài lời. Thế nhưng ghi chép về những việc gì, ghi chép như thế

nào đã làm nổi lên chân dung tác giả cùng với những chủ kiến.

Việc dời đô về Thăng Long, mở khoa thi đầu tiên vào năm 1075, lập trường Quốc tử giám 1076 là những mốc có ý nghĩa đánh dấu sự trưởng thành của giới trí thức Việt Nam. Thành Thăng Long nhanh chóng trở thành chốn phồn hoa đô hội. Tính chất phồn hoa của thành thị Việt Nam được làm nên bởi tầng lớp trí thức, quan lại và thị dân. Tầng lớp trí thức, quan lại thúc đẩy sự phát triển về tư tưởng, học thuật; thị dân thúc đẩy thương mại, buôn bán. Tuy nhiên thành thị Việt Nam với chức năng chính là nơi đồn trú của cơ quan hành chính nhà nước nên tầng lớp trí thức quan lại vẫn là lực lượng giữ vai trò chủ đạo tạo nên sắc thái riêng của văn hóa đô thị. Tư tưởng Nho, Đạo, Phật được coi là nền tảng hình thành nên văn hóa kẻ sĩ. Nó sẽ chi phối kẻ sĩ trong quan niệm về nhân sinh, thế sự, cách nhìn đời, nhìn người, lối sống... Thế nhưng, để hiểu rõ về người trí thức thì không thể chỉ quan sát sự nghiệp tu, tề, trị, bình mà còn là những thú vui, niềm đam mê trong cuộc sống: “...chúng ta chưa biết rõ một người nếu ta chưa biết người ấy thường tiêu khiển thế nào” [1, tr.485].

Những “lạc thú nhân sinh” khiến cho văn hóa kẻ sĩ trở nên phong phú và đa dạng. Thương hoa, thưởng rượu, thưởng trà, bình văn, thả thơ, chơi chữ, đánh cờ, nuôi chim... là những thú chơi tao nhã đã đi vào đời sống thường nhật của người trí thức. Phạm Đình Hồ có mối quan tâm đặc biệt đến việc khảo cứu về hoa, trà, âm nhạc, chữ viết... Cái hào hoa

của kẻ sĩ kinh kì được thể hiện ở sự yêu mến, say mê tìm đến tận ngọn nguồn các phương diện làm cao nhã hơn cuộc sống của người trí thức. Ở phương diện nào cũng thấy tầm hiểu biết sâu rộng và cái nhìn rất mới mẻ của ông. Tầm văn hóa, phong thái của trí thức Đại Việt còn được bộc lộ qua những am hiểu trên các phương diện này.

Trước hết, kẻ sĩ đã tìm thấy lạc thú ngay trong công việc học tập khổ luyện hàng ngày. Viết chữ trở thành môn nghệ thuật mà kẻ sĩ theo đuổi và đều mong muốn chinh phục. Một thực tiễn phong phú và có một quá trình dài lâu như vậy trong lịch sử đã trở thành nguồn tư liệu dồi dào để Phạm Đình Hổ khảo cứu. Bàn về chữ viết, ông không chỉ chú ý đến ý nghĩa thực dụng mà còn là tính thẩm mỹ, bề dày văn hóa. Do vậy, bên cạnh những khảo cứu về lịch sử chữ viết Việt Nam còn là những bình luận về các loại chữ triện, lệ, chân, hành, thảo..., chữ nơi cung đình, chữ chốn dân gian, chữ của phương Bắc, chữ người nước Nam... Con chữ đẹp của một người vừa có cái "...ý nhị của hoa đào đọng giọt mưa bụi, lá dương phủ làn khói nhẹ" vừa để rạng rỡ "huân danh đức nghiệp". Chữ viết không chỉ là "việc của kẻ nho lại" mà còn là văn hiến của cả dân tộc. Đó là một đánh giá rất sâu sắc. Nó đã vượt khỏi những cảm nhận nghệ thuật thông thường để chạm đến vị thế dân tộc trong trường kì lịch sử. Cách nhìn của tác giả, ấy là từ một điểm để thu lấy toàn thể, từ giọt sương mong manh mà thấy được cả sơn hà, vũ trụ, từ cá nhân để thấy dân tộc.

Thi ca - âm nhạc - vũ đạo, người Trung Quốc gọi là tam vị nhất thể, song ở mỗi môn lại có những giá trị độc lập. Những nhận thức về âm nhạc của người xưa có thể khiến con người hiện đại cảm thấy mình là nông cạn. Khổng Tử đã đưa âm nhạc vào lục nghệ, sáu môn dạy học trò. *Kinh nhạc* là một trong Lục kinh. Bản thân Khổng Tử cũng là người đàn hát những bài ca trong *Kinh thi*. Giới trí thức xưa đều có những am hiểu nhất định về âm luật, xoang điệu. Sự nở rộ của thể loại từ đời Tống cho thấy niềm yêu thích cũng như kiến thức về âm nhạc của văn nhân Trung Quốc. Như là một ông quan chuyên về âm nhạc, Phạm Đình Hổ đã giới thiệu về các loại nhạc cụ, các làn điệu, các tổ chức âm nhạc, các hình thức nhạc tôn miếu, dân gian,... hết sức cặn kẽ, tỉ mỉ. Hơn thế ông còn có những bình luận về ý nghĩa của loại hình nghệ thuật này rất xác đáng. Ông phản bác việc bàn về âm nhạc mà chỉ chú ý đến thiết kế nhạc cụ "chẳng khác gì bàn về việc kiện". Âm nhạc không đơn thuần là để mua vui, giải trí. Vì thế cũng không phù phiếm mà rất thiết yếu. Âm nhạc là điệu hồn của cá nhân và cũng là phong khí thời đại, sự giao hòa của con người với vũ trụ "hợp với hòa khí của trời đất". Âm nhạc được nhìn dưới góc độ triết học đã mang tới nhận thức bề sâu cho bộ môn nghệ thuật này.

*Thiên Hoa thảo* là một trường ca về hoa lan – một loài hoa được coi là "vương giả hương", " thanh nhã bất phàm". Trong văn học cổ Việt Nam hiếm thấy có những áng văn xuôi có vẻ đẹp lãng mạn, say mê đến thế. Tác giả viết về

cách trồng, chăm bón hoa lan với những hiểu biết của một nhà sinh học. Nhưng trong từng thao tác, trong từng cân nhắc đã vượt lên việc chăm sóc cho một loài cỏ cây, mà là chăm sóc cái Đẹp “Duy chỉ việc bắt sâu cho lan là không thể thiếu, vì cái tính cây cỏ, nó đăm bạc thì hay ưa tĩnh, thơm tho thì hay ghét ướn...”. Thường thức lan là thường thức cái Đẹp – không chỉ là vẻ bề ngoài “...có người lại đánh cuộc xem lá lan của ai dài hay ngắn, hoa lan của ai nhiều hay ít. Ôi! Như thế có phải là bản sắc của hoa đâu! Đó chỉ là lấy cái màu sắc rực rỡ, vẻ nùng diễm mà thưởng lan, chứ không biết lấy cái phẩm cách của lan mà thưởng lan”. Nếu chẳng có cái phong thái của một danh nho thì khó có được con mắt thưởng lãm nghệ thuật cao quý như thế. Nếu không có cốt cách của người không muốn trói mình trong vòng thế nhân tục lụy thì cũng khó mà hiểu lan chỉ “kết tri với người đại nhã, bậc triết nhân”, “...lan sông Tương mà Khuất Nguyên lấy đeo, lan U Cốc mà Khổng Tử thưởng thức, cao phong nhã điệu nổi tiếng muôn đời...”. Như vậy cái đẹp không chỉ được ngắm nhìn, cảm nhận bằng mắt mà tự bản thân nó sẽ có môi tương giao hồn, cốt với những bậc quân tử trong thiên hạ.

Có lẽ xu hướng thưởng thức cuộc sống làm nên nét ý vị cho văn hóa phương Đông. Trà – một loại thức uống thông thường nhưng trong cách thưởng thức của kẻ sĩ cũng được nâng lên ở tầm nghệ thuật. Nhã thú của nó không phải là ở chỗ mua những bộ ấm chén xa xỉ, tầm cho được danh trà. Một cuộc trà hoàn hảo phải bắt đầu từ việc chủ nhân hiểu được

tính cách của trà, rồi “Buổi sớm gió mát, buổi chiều trăng trong, với bạn rượu nâng thơ cùng làm chủ khách mà ung dung pha ấm chè tàu ra thưởng thức thì có thể tinh được mộng trần, rửa được lòng tục”. Ý vị của trà đạo trong đời sống văn hóa của các quốc gia như Nhật Bản, Hàn Quốc ngày nay chẳng phải cũng có những nét tương đồng như thế?

Như vậy, những “lạc thú” dưới con mắt của trí thức bao giờ cũng mang tính quan niệm, triết lí và thường được đặt trong mối tương thông với ý nghĩa của sự tồn tại.

Hình thức khảo cứu đã không che lấp phong cách tài hoa của Phạm Đình Hổ. Phía sau những số liệu chính xác, những hiểu biết uyên thâm là cái tinh tế và thanh lịch của người trí thức trong cuộc đời. Những thiên kí của Phạm Đình Hổ “không bị rơi vào lãnh địa văn học chức năng” [4, tr.443-444] luôn tươi mới, đậm chất trữ tình, đầy cảm giác chủ thể. Những thiên bàn về các thể văn, thơ vẫn luôn đan xen những nhận định rất tinh tường và bản lĩnh của ông về văn chương các đời, các hình thức văn cử từ Trung Hoa đến Việt Nam.

Khảo cứu giúp tác giả có cái nhìn về tận ngọn nguồn nhưng không cản trở tác giả bày tỏ tình cảm, thái độ đối với hiện tại. Cảm hứng chính trong các thiên kí vẫn là cảm hứng về hiện tại. Hình ảnh của kinh thành Thăng Long trở đi trở lại nhiều lần trong những ghi chép của ông. Có hình ảnh một Thăng Long đô hội với nhà cửa san sát, đủ mọi hạng người. Lại có một Thăng Long “làng xã” với hình ảnh xóm Dưỡng Hiền bên sông Nhuệ

“bóng cây rợp đất”, cầu Nhị Khê, sông Tô Lịch “...mảnh trắng in trên mặt nước trong veo...” Thăng Long gắn với những kỉ niệm đêm rằm tháng tám, những cuộc thả thuyền trên sông cùng bè bạn, những cuộc ngự lãm của Trịnh Sâm trên Hồ Tây, những huyền thoại gắn với hồ Hoàn Kiếm, hình ảnh của 36 phố phường...

Rất nhiều bài kí của tác giả dành viết về các địa danh khác như Hải Dương, Sơn Tây rồi sông Dục, sông Hát Giang... Những cảnh đẹp của đất nước được thu vào tầm nhìn của Phạm Đình Hồ càng trở nên thơ mộng, mang cảm hứng của một hàn nho, ẩn sĩ. Núi Dục Thúy, núi Phật Tích... vừa hùng vĩ, tráng lệ vừa u nhàn thoát tục. Người xưa thường lên cao để nhìn xa, gửi gắm cái hùng tâm tráng chí của đấng nam nhi. Trong tâm hồn nho sĩ lại luôn tiềm ẩn chất tài hoa, tài tử nên cũng bắt lấy rất nhanh những đường nét nên thơ của cảnh, chìm trong cảm xúc, hòa lẫn tâm và vật “...nước xanh rợn sóng, bóng tháp in dòng, thuyền nhỏ trôi chiều, lênh đênh bên dưới... gõ bơi chèo hát khúc Thương Lương, hỏi cái ước cũ của ông Đào Chu trong chôn Ngũ Hồ, cảnh ấy, lòng ấy, duy có ta cùng với non sông ấy biết nhau mà thôi...”. Tư Mã Thiên, Đỗ Phủ, Lý Bạch... đều là những người yêu thích du ngoạn. Du ngoạn không chỉ để thưởng thức cảnh đẹp, tục lạ mà còn tăng sự hiểu biết thực tế bên cạnh những hiểu biết sách vở. Nếu như chưa đọc hết vạn quyển sách, đi hết vạn dặm đường thì chỉ là “ngụy” trí thức mà thôi. Trương Hán Siêu từng nói cái thú giang hồ của mình là học từ tiền nhân “Học Tử Trường chừ thú

tiêu dao”. Vậy nên, du lãm đến sông Bạch Đằng mới cảm hứng mà viết *Bạch Đằng giang phú*.

Tuy nhiên, bao trùm các thiên kí của Phạm Đình Hồ vẫn là tâm sự của một người trí thức ưu thời mẫn thế.

Tác giả đặc biệt quan tâm đến các hình thức lễ. Từ hôn lễ, ma chay đến lễ cài trâm, đội mũ, cách thức quần áo, nón đội... đều được ông coi trọng. Ông xem xét những quy định, chuẩn tắc trải các đời rồi soi chiếu vào hiện tại và không tránh khỏi cảm xúc “đời suy, thời tệ”. Trong xã hội Việt Nam vẫn tồn tại những hủ tục, những thói quen mê tín, dị đoan. Có nỗi thoáng buồn của tác giả khi thấy lễ nghĩa đang bị mai một, đảo lộn.

Với ý thức tự cường, tác giả luôn có những đối sánh với Trung Hoa từ hình thể núi sông, bờ bãi đến phong tục, thói quen: “Địa thế nước ta toàn thể cũng giống nước Trung Hoa...”, “Thị hiếu của người ta cũng hơi giống người Trung Hoa”, “Nước ta đã có tiếng là văn hiến không khác gì nước Trung Hoa...”. Tác giả khẳng định: người Việt “thông minh” và “...cũng có thứ Trung Hoa không có mà nước ta lại có...”. Do vậy, nên học lấy “trí khôn nghề khéo” của Trung Hoa để tự cường, đó là một cái nhìn rất khôn ngoan, mềm dẻo của người trí thức. Không kì thị mà cầu cái hay, đẹp của người để thành của mình. Những so sánh với Trung Hoa không nhằm chỉ ra những điểm giống - khác mà là khẳng định văn hóa Việt Nam hoàn toàn có thể phát triển độc lập. Tác giả chỉ tiếc một điều “kẻ gặp thời làm được thì không có chí, những kẻ có chí lại không gặp thời”.

*Công dư tiếp kí* (Vũ Phương Đề), *Bắc hành tùng kí* (Lê Quýnh), *Thượng kinh kí sự* (Lê Hữu Trác) đều là những mốc son của thể kí trung đại. Nhưng có thể nói các tác phẩm của Vũ Phương Đề, Lê Quýnh hay Lê Hữu Trác đã bao quát hiện thực theo một khuynh hướng khác. Phạm Đình Hồ đã từ góc nhìn của một kẻ sĩ – kẻ sĩ kinh kì để quan sát, tìm hiểu các phương diện của đời sống dân tộc. Tác phẩm của ông “...có chiều sâu của người uyên thâm Hán học, có chất thiệp liệp của người trải đời, có cái ngạo nghễ, hóm hỉnh của bậc hàn nho thanh bạch, có cái tinh tế của người trí thức kinh kì biết thưởng thức ăn chơi...” [4, tr.443-444]. Một phương diện góp phần làm nên sự vĩ đại của *Hồng lâu mộng* là những am hiểu về văn hóa Trung Quốc của Tào Tuyết Cần. Từ âm thực, trang phục, các trò giải trí, lễ nghi đến thơ ca, âm nhạc, hội họa, hý kịch, triết học Nho, Phật, Đạo và cả y học đều được ông bàn bạc hết sức sâu sắc. Cũng như Tào Tuyết Cần, lớp văn hóa mà Phạm Đình Hồ quan tâm khảo cứu là lớp văn hóa thượng tầng Nho gia. Tuy là hình thức kí nhưng Phạm Đình Hồ cũng chứng tỏ kiến thức hơn đời.

Nửa cuối thế kỉ XVIII nửa đầu thế kỉ XIX văn học Việt Nam có bước phát triển đột xuất. Sự biến đổi này có nguyên nhân từ thực tiễn đời sống và học thuật dân tộc. Một trong những quan niệm góp

phần làm thay đổi diện mạo văn học bấy giờ, đó là quan niệm văn chương không chỉ là chuyện “kê cổ chứng kim”, “ngôn chí”, “tải đạo”... mà phải nói những chuyện “thời vụ cơ nghi” theo chủ kiến bản thân... được khởi lên từ Bùi Sĩ Tiêm, Ngô Thì Sĩ, Lê Quý Đôn... Theo đó, hình thức kí vốn đã có những phát triển nhất định ở các thế kỉ trước đến giai đoạn này khởi sắc, đạt tới giá trị nghệ thuật cao cũng như định hình đặc trưng thể loại. Kí phát huy thể mạnh ghi chép, nhanh chóng cập nhật các vấn đề thực tiễn. Ở thể loại này con người cá nhân tác giả xuất hiện trực diện. *Thượng kinh kí sự* được kể từ ngôi thứ nhất. *Vũ trung tùy bút* và *Tang thương ngẫu lục* cũng cùng một cách thức. Nhân vật xưng “tôi” sẽ tạo nên mạch trần thuật trực tiếp cho tác phẩm. Cuộc sống sẽ được giới thiệu, trình bày theo cảm nhận riêng, cách thức riêng, tạo dấu ấn riêng và tăng sức thuyết phục. Người trần thuật ở ngôi thứ nhất - chủ thể kể là một dạng tác giả hàm ẩn. Vì lẽ đó, đọc các tác phẩm kí của Phạm Đình Hồ chúng ta thấy hiện lên chân dung của chính tác giả - người trí thức kinh kì.

Văn hóa dân tộc đã bồi đắp nên những kẻ sĩ - nhân tài. Tầm vóc của người trí thức đã làm nên tầm vóc của dân tộc. Chẳng phải bao lần sứ thần Đại Việt đã khiến cho nước người phải bối rối, nể phục?

**(Xem tiếp trang 23)**

**TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Lâm Ngữ Đường (2001), *Trung Hoa đất nước con người* (bản dịch), Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
2. Phạm Đình Hồ (1997), *Vũ trung tùy bút*, trong sách *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội.
3. Phạm Đình Hồ, Nguyễn Ân (1997), *Tang thương ngẫu lục*, trong sách *Tổng tập tiểu thuyết chữ Hán Việt Nam*, tập 2, Nxb Thế giới, Hà Nội.
4. Nguyễn Đăng Na (2006), *Con đường giải mã văn học trung đại Việt Nam*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ngày Tòa soạn nhận được bài: 19-3-2012; ngày phản biện đánh giá: 14-4-2012;  
ngày chấp nhận đăng: 30-7-2012)